

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No.: 28./2018/QĐ-HĐQT

Tây Ninh, ngày/date 30 tháng/month 7 năm/year 2018

QUYẾT ĐỊNH DECISION

V/v Ban hành Quy chế công bố thông tin

Promulgating of statute of press release

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
BOARD OF DIRECTORS

THANH THANH CONG – BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật này; / Pursuant to the Law on Enterprises ratified by National Assembly Socialist Republic of Vietnam on 26 November, 2014 and changed, additional and executing instruction of the Law documents.
- Căn cứ Điều lệ Công ty; / Pursuant to the Charter of the Company.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty; / Pursuant to current situation of the Company.
- Căn cứ Tờ trình số 315/2018/TTr-VPCT v/v ban hành Quy chế công bố thông tin ngày 06/07/2018; / Pursuant to Proposal No 315/2018/TTr-VPCT of Promulgating of statute of press release

QUYẾT ĐỊNH:

Decision

- Điều 1/Article 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế công bố thông tin** / *Promulgating the Decision with statute of press release.*
- Điều 2/Article 2.** Giao Văn phòng Công ty làm đầu mối quản lý và chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện và tuân thủ Quy chế này. / *Assigning BOD's office the task of managing and taking responsibility of implementation and compliance with this statute.*
- Điều 3/Article 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký / *The decision validates since the date signed.*
- Điều 4/Article 4.** Các Ông/ Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng, Phó các Đơn vị và cán bộ nhân viên trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *The members of the Board of Directors, CEOs, Head, Deputy Head of Business units and the employees take responsibility to implement the Decision.*

Nơi nhận/Receiving place:

- Như Điều 4 (để thực hiện);/ As Article 4 (Implementation)
- Phòng kiểm toán nội bộ (để theo dõi)(Internal Audit Department for supervision)
- Lưu VPCT./ Storage: BOD's office.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS

CHỦ TỊCH/CHAIRMAN



PHẠM HỒNG DƯƠNG

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	3
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	3
Điều 5. Các trường hợp công bố thông tin	3
Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin	3
Điều 7. Trình tự Công bố thông tin.....	4
Điều 8. Hình thức và phương tiện công bố thông tin	4
Điều 9. Lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thông tin	5
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin	5
CHƯƠNG IV. PHÁT NGÔN	5
Điều 11. Người phát ngôn	5
Điều 12. Nội dung phát ngôn.....	6
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn	6
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	6
Điều 14. Trách nhiệm cung cấp thông tin	6
Điều 15. Điều khoản thi hành	6

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty với các cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các đơn vị liên quan đến hoạt động công bố thông tin.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.
2. CBTT: là viết tắt của cụm từ công bố thông tin. CBTT là việc Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN), Sở Giao Dịch Chứng Khoán (SGDCK), Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán (TTLKCK) trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật công bố trên thị trường chứng khoán.
3. Đối tượng khác: bao gồm Người nội bộ; Người có liên quan của Người nội bộ; Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan; nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành Cổ đông lớn; tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
4. Người nội bộ: là thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Phòng kiểm toán nội bộ; Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; người phụ trách kế toán, tài chính của Công ty; người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin.
5. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
6. Cổ đông lớn: là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
7. Phát ngôn: là một hình thức công bố thông tin đặc biệt không bị ràng buộc bởi các quy định của pháp luật đối với hình thức công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều này. Phát ngôn chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động tiếp xúc, trả lời và tuyên bố trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty. Việc phát ngôn do người phát ngôn được Công ty chỉ định và giao nhiệm vụ thực hiện.
8. Đơn vị: bao gồm Văn phòng, Khối, Phòng, Ban, Bộ phận, Trung tâm, Nhà máy, ... thuộc Công ty, được phân công phụ trách một/ một số lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.
9. Đơn vị chuyên môn: được dùng để chỉ các Đơn vị có liên quan đến các thông tin cần được công bố theo quy định tại Quy chế này.
10. ĐVCBTT: là viết tắt của cụm từ Đơn vị phụ trách CBTT. ĐVCBTT làm đầu mối chịu trách nhiệm chính cho các vấn đề liên quan đến CBTT của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
2. Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do mình công bố.
3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải được đăng ký bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục 01, Phụ lục 03 của Thông tư 155/2015/TT-BTC. Trường hợp thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK ít nhất 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
4. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Người công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.
5. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản, tùy theo thời điểm nào đến trước.
6. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.
7. Ngôn ngữ công bố thông tin là song ngữ (tiếng Việt - tiếng Anh). Trong trường hợp công bố thông tin bằng song ngữ thì tiếng Anh là ngôn ngữ có tính tham khảo.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 5. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
4. Công bố thông tin khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

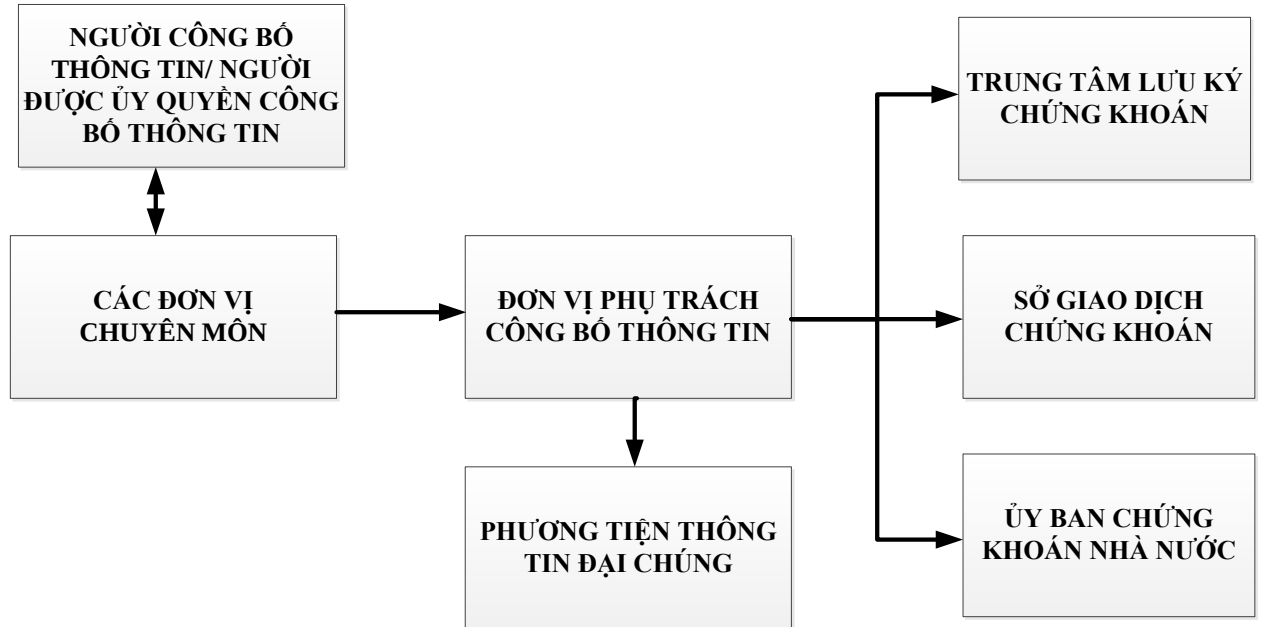
Thời hạn và nội dung công bố thông tin tại Phụ lục 01 – *chế độ báo cáo và công bố thông tin*.

1. Đối với CBTT định kỳ, thông tin phải được công bố trước thời hạn CBTT cuối cùng ít nhất 01 ngày.
2. Những trường hợp cần CBTT bất thường (trong vòng 24 giờ, 10 ngày), CBTT theo yêu cầu và CBTT của Đối tượng khác theo quy định của pháp luật. ĐVCBTT có trách nhiệm điều phối các Đơn vị chuyên môn và Cá nhân có liên quan để chủ động thực hiện CBTT trong vòng 12 giờ trước thời hạn cuối cùng phải CBTT theo quy định.
3. Đối với CBTT định kỳ, Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm chuẩn bị thông tin cần công bố định kỳ theo đúng quy định của pháp luật trước ngày cần CBTT ít nhất 07 (bảy) ngày.

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: VP/QC-01 Soát xét: 00 Hiệu lực: 30/07/2018
---	--------------------------------------	---

4. Đối với CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT của Đối tượng khác, Đơn vị chuyên môn và Cá nhân có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị thông tin cần công bố theo đúng quy định của pháp luật trước ngày cần CBTT trong vòng 18 giờ trước thời hạn cuối cùng phải CBTT theo quy định.

Điều 7. Trình tự Công bố thông tin



Trong quá trình thực hiện tài liệu CBTT, các đơn vị chuyên môn tham khảo ý kiến của ĐVCBTT Công ty để hoàn chỉnh tài liệu CBTT theo đúng quy định.

Điều 8. Hình thức và phương tiện công bố thông tin

- Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:
 - Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử www.ttcsugar.com.vn và các ấn phẩm khác của Công ty.
 - Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN.
 - Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK.
 - Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK.
 - Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
- Phương tiện CBTT chi tiết tại *Phụ lục 01 – chế độ báo cáo và công bố thông tin*.
- Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
- Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

5. Công ty phải lập trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời đảm bảo có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

Điều 9. Lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thông tin

1. ĐV CBTT, Các đơn vị chuyên môn theo quy định của Quy chế này thực hiện việc lưu giữ, bảo quản thông tin đã báo cáo, công bố (bao gồm cả văn bản giấy và tập tin trên máy tính theo từng thư mục hồ sơ riêng biệt cho từng loại thông tin) tại trụ sở chính của Công ty.
2. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
3. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục hoặc đến thời hạn cam kết với UBCKNN, SGDCK.
2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

CHƯƠNG IV. PHÁT NGÔN

Điều 11. Người phát ngôn

1. Người phát ngôn là người được Hội đồng quản trị Công ty chỉ định và giao nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty và các lĩnh vực khác trong phạm vi cho phép.
2. Người phát ngôn chính thức của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc người khác do Hội đồng quản trị của Công ty chỉ định.
3. Người phát ngôn có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động phát ngôn của mình. Mọi cán bộ nhân viên Công ty không được tự ý phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề có liên quan đến Công ty khi chưa được người phát ngôn cho phép hoặc ủy quyền.

Điều 12. Nội dung phát ngôn

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về mọi vấn đề liên quan đến việc hoạch định các chiến lược, chính sách; về định hướng phát triển và vốn của Công ty.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phát ngôn chính thức về mọi vấn đề liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm và các lĩnh vực khác nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị cho phép bằng văn bản.
3. Đối với các thông tin đã được ban hành dưới dạng thông cáo báo chí trên toàn hệ thống, các Trưởng Đơn vị chủ động cung cấp đến các cơ quan truyền thông tại địa phương nơi Đơn vị hoạt động và phổ biến đến từng Cán bộ, Nhân viên để giới thiệu cho khách hàng và đối tác.
4. Trường hợp người phát ngôn được cho phép và ủy quyền bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc, nội dung thông tin phải được gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị tham mưu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn

1. Nhiệm vụ
 - a. Thực hiện nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng, tiếp xúc trực tiếp với các cơ quan thông tin hoặc tổ chức họp báo (nếu có) để thông tin cho công chúng các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Xem xét việc trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
2. Quyền hạn
 - a. Chủ động quyết định phương thức, nội dung cụ thể của thông tin phát ngôn trong phạm vi thẩm quyền được phép;
 - b. Được quyền từ chối trả lời trước các phương tiện thông tin đại chúng những vấn đề hoạt động của Công ty không thuộc thẩm quyền phát ngôn; được quyền cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng những thông tin không đúng sự thật liên quan đến các lĩnh vực phát ngôn thuộc thẩm quyền.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm cung cấp thông tin

Các đơn vị chuyên môn, những đối tượng khác phải cung cấp thông tin dưới hình thức văn bản đồng thời với việc gửi dữ liệu điện tử cho ĐV CBTT đúng thời hạn theo quy định của Quy chế này. Mọi chậm trễ gây ảnh hưởng đến việc công bố thông tin đều bị xử lý theo khoản 3 Điều 15 Quy chế này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. ĐV CBTT, Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Soát xét: 00
Hiệu lực: 30/07/2018

2. Giao Văn phòng Công ty là đầu mối hướng dẫn và quản lý các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông.
3. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này đều bị xử lý kỷ luật tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm đồng thời phải bồi thường các thiệt hại (nếu có) do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của Công ty, pháp luật hiện hành.

I. Công bố thông tin định kỳ

Stt	Nội dung	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Nội dung chi tiết	Đơn vị phụ trách
1	BCTC Quý	Văn bản Dữ liệu điện tử	- Trong 20 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có). - Nếu Công ty không thể hoàn thành việc công bố trong thời hạn, Công ty có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN gia hạn nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc Quý	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE		- BCTC Quý: BCTC riêng, BCTC hợp nhất - Nội dung BC: Bảng CĐKT, BC KQHĐKD, BC Lưu chuyển tiền tệ, Bản Thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam. - Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp: + LNST Thu nhập doanh nghiệp tại BC KQHĐKD giữa BC Quý của kỳ công bố so với BC Quý cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên. + LNST trong kỳ BC bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại + Số liệu, KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại BC KQHĐKD trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; + Số liệu, KQHĐKD tại báo cáo KQHĐKD trong kỳ BC có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán
2	BCTC Bán niên đã được soát xét	Văn bản Dữ liệu	Trong 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BC soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE		- BCTC Bán niên: BCTC riêng, BCTC hợp nhất - Nội dung BC: Bảng CĐKT, BC KQHĐKD, BC Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam.	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán

PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

		điện từ	Nếu Công ty không thể hoàn thành việc công bố trong thời hạn, Công ty có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xin gia hạn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.				- BCTC Bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN - Nếu BCTC Bán niên soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu, kèm theo văn bản giải trình của Công ty - Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp: + LNST Thu nhập doanh nghiệp tại BC KQHĐKD của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với BC cùng kỳ năm trước + LNST trong kỳ BC bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại + Số liệu, KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại BC KQHĐKD trong BCTC Quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại + Số liệu, KQHĐKD tại BC KQHĐKD trong kỳ BC có sự chênh lệch trước, sau kiểm toán/soát xét từ 5% trở lên	(Phối hợp với Đơn vị Kiểm toán bên ngoài)
3	BCTC Năm đã được kiểm toán	Văn bản Dữ liệu điện từ	- Trong 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BC kiểm toán và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính - Nếu Công ty không thể hoàn thành việc công bố trong thời hạn, Công ty có yêu cầu bằng văn bản gửi tới UBCKNN, nhưng không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE		- BCTC năm: BCTC riêng, BCTC hợp nhất - Nội dung BC: Bảng CĐKT, BC KQHĐKD, BC Lưu chuyển tiền tệ, Bản Thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật về kế toán. Tiền lương của TGD và Cán bộ Quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trên BCTC hàng năm đã được kiểm toán - BCTC năm kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. - Nếu kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố BCTC năm, BC	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán (Phối hợp với Đơn vị Kiểm toán bên ngoài)

PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

							kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty - Giải trình khi xảy ra một trong các trường hợp sau trên BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất: + LNST tại BC KQHĐKD của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với BC cùng kỳ năm trước + LNST trong kỳ BC bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại + Số liệu, KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại BC KQHĐKD trong BCTC Quý 4 đã công bố so với BCTC năm kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại + Số liệu, KQHĐKD tại BC KQHĐKD trong kỳ BC có sự chênh lệch trước, sau kiểm toán/soát xét từ 5% trở lên	
4	Báo cáo thường niên	Văn bản (nếu có) Dữ liệu điện tử	- Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm kiểm toán Nhưng không quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE	Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán - BCTN phải có nội dung thông tin về tình hình quản trị Công ty	Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (khoản 6 Điều 11 TT 155)	Văn bản Dữ liệu điện tử	- Định kỳ 6 tháng và năm - Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ BC	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE	Phụ lục 05 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- 1 bản BC theo mẫu Phụ lục 05 - 1 bản BC theo mẫu Phụ lục 05 nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân: số Thẻ căn cước công dân, số CMND hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký	Văn phòng Công ty

PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

							chứng khoán, số tài khoản ngân hàng để HOSE thực hiện CBTT	
6	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty (khoản 4 Điều 5 QĐ 340)	Văn bản Dữ liệu điện tử	- BC 6 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 30/7 - BC năm: Chậm nhất là ngày 30/1 năm tiếp theo	Phương tiện CBTT của HOSE	HOSE	Mẫu CBTT/SGDHCM-03 ban hành kèm Quy chế CBTT của HOSE		Văn phòng Công ty
7	ĐHĐCĐ thường niên	Văn bản (nếu có) Dữ liệu điện tử	- Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông: Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE, TTLKCK	UBCKNN HOSE TTLKCK	Mẫu 07/THQ kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán	- Công ty CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
			- Thông báo họp, Tài liệu ĐHĐCĐ chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN UBCKNN, HOSE		- Thông báo mời họp được CBTT trên Website Công ty, UBCKNN, HOSE. - Công bố trên Website Công ty nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên: + Thông báo mời họp: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số DN; tên, địa chỉ thường trú của CĐ, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Được gửi bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của CĐ; đăng trên Website Công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, nếu thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty + Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp	

PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

							+ Chương trình họp + Phiếu biểu quyết + Nếu xác định được trước ứng viên HĐQT, thông tin liên quan đến ứng viên phải được công bố trước ĐHĐCĐ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, các quy định khác theo Điều lệ + Tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo NQ đối với từng vấn đề trong chương trình họp + Tài liệu họp phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ + Nếu không tổ chức thành công cuộc họp lần 1, Công ty công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp tiếp; duy trì việc đăng tải và cho phép CĐ tải tài liệu họp cho tới khi tổ chức thành công. Thời điểm tổ chức cuộc họp tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về DN + Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm NQ của ĐHĐCĐ, Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (nếu lấy ý kiến CĐ bằng văn bản) + Nếu ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của CĐ không phải CĐ lớn	
8	Về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn	Văn bản Dữ liệu		Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE		Về Chào bán chứng khoán đối với sàn Hose <u>Chào bán chứng khoán riêng lẻ:</u> + Không quảng cáo việc chào bán trên các phương tiện TTĐC. CBTT không chứa đựng	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

(khoản 4 Điều 8 TT 155)	điện từ				Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012 Phụ lục số 11 và 12 Thông tư 162/2015/TT-BTC Phụ lục số 13 và 14 Thông tư 162/2015/TT-BTC Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP	nội dung có tính chất quảng cáo hoặc mời chào mua cổ phiếu + HĐQT được thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn theo quy định và phải báo cáo UBCKNN theo mẫu 03 ban hành kèm theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP. + CBTT kết quả chào bán cho HOSE theo mẫu 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012 trong 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán <u>Chào bán chứng khoán ra công chúng:</u> + Trong 7 ngày làm việc từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, công bố Bản thông báo trên báo điện tử hoặc báo viết phát hành toàn quốc 3 số liên tiếp theo mẫu. Bản thông báo phát hành, Bản cáo bạch đăng tải trên Website Công ty, HOSE. + Công ty BC kết quả đợt chào bán cho UBCKNN, CBTT trong 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu BC và CBTT: (1) BC kết quả chào bán chứng khoán, (2) Xác nhận của NH Công ty mở tài khoản phong toả số tiền thu được từ đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi) Về Báo cáo sử dụng vốn đối với sàn Hose <u>- Chào bán chứng khoán riêng lẻ:</u> Công ty công bố BC sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào	Văn phòng công ty
-------------------------	------------	--	--	--	---	--	-------------------------

PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

						bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận <u>- Chào bán chứng khoán ra công chúng:</u> + Nếu huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty BC UBCKNN và CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo mẫu trong 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo + Nếu thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, Công ty BC UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi trên Website Công ty. Mọi thay đổi phải được BC lại tại ĐHĐCĐ gần nhất + Công ty công bố BC sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận (trừ chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp)	
9	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (khoản 5 Điều 8 TT 155)	Văn bản		Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE, TTLKCK	HOSE TTLKCK	- Công ty CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán VN. - CBTT theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC và Điều 12, khoản 4 Điều 13 Thông tư 123/2015/TT-BTC - Khi chào bán, phát hành chứng khoán, Công ty thực hiện điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước	Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

							ngoài: Được thực hiện cùng với việc BC, CBTT khi đăng ký chào bán, phát hành theo quy định pháp luật	
10	Danh sách CĐ chiến lược, CĐ lớn và cổ phiếu quỹ	Văn bản	- Báo cáo 6 tháng đầu năm dương lịch: Chậm nhất là ngày 10/6 hàng năm - Báo cáo 6 tháng cuối năm dương lịch: Chậm nhất là ngày 10/12 hàng năm	Phương tiện CBTT của HOSE	HOSE	Mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm Quy chế CBTT của HOSE	1 BC theo mẫu 1 bản dữ liệu điện tử định dạng excel - Báo cáo 6 tháng đầu năm dương lịch: Căn cứ trên danh sách CĐ được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/5 hàng năm - Báo cáo 6 tháng cuối năm dương lịch: Căn cứ trên danh sách CĐ được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 hàng năm	Văn phòng Công ty

II. Công bố thông tin bất thường

Stt	Nội dung chi tiết	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ (Kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ)						
1	CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/HĐQT	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE			
1.1	Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản)					Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
1.2	ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của CĐ không phải CĐ lớn					Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
1.3	- Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ					Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

	- Ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về DN - Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi					
1.4	- Quyết định mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức - Quyết định tách, gộp cổ phiếu					Văn phòng Công ty
1.5	- Quyết định tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), giải thể Công ty - Thay đổi tên Công ty, Con dấu Công ty - Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ - Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty					Văn phòng Công ty
1.6	- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật) - Thông báo DN kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi DN kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) - DN kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của Công ty - Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có) - Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC			Mẫu CBTT/SGDHCM- 07 của sàn Hose		Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán
1.7	- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành: Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên					Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

	kết hoặc bán để giảm sở hữu tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết - Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên TTS của Công ty tại BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét - Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên VDL của một tổ chức (xác định theo VDL của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn) - Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên TTS của Công ty tính tại BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét - Vốn góp của CSH bị giảm từ 10% trở lên hoặc TTS bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét - Quyết định tăng, giảm VDL - Đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện					Văn phòng Công ty
1.8	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ hoặc Người có liên quan					Văn phòng Công ty
1.9	- Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% VCSH trở lên tính tại BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét - Nếu tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% VCSH trở lên tính tại BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét, Công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% VCSH trở lên theo BCTC năm gần nhất kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất soát xét					Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán
1.10	- Đối với các sự kiện phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện CBTT kể từ khi ban hành Nghị định/Quyết định và khi Công ty nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền					Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

1.11	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty theo Điều 134 Luật Doanh nghiệp					Văn phòng Công ty
1.12.	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;					
2	KHI CÓ SỰ THAY ĐỔI SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH			Mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế CBTT của HOSE		
2.1	Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty BC UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán (Mục 1.8 CBTT định kỳ Phụ lục này)					Văn phòng Công ty
2.2	Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty BC kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ (Mục 4 CBTT của các đối tượng khác Phụ lục này)					Văn phòng Công ty
3	CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN SỰ CHỦ CHỐT					
3.1	- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ: TV HĐQT, TV BTGD, GĐTC, GĐKT, KTT (kể từ khi ban hành Nghị định/Quyết định về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ) - Đối với sàn HOSE: + Nếu TV HĐQT có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong 24 giờ từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm + Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ, Công ty gửi cho UBCKNN, HOSE Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới, Phụ lục và danh sách Người nội bộ và Người có liên quan theo mẫu			Phụ lục 03 Thông tư 155/2015/TT-BTC Mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm Quy chế CBTT của HOSE		Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

3.2	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty: TV HĐQT, TV BTGD, GĐTC, GĐKT, KTT					Văn phòng Công ty
3.3	Khi có thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ, Công ty BC cho HOSE về thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ theo mẫu trong 3 ngày làm việc từ ngày thay đổi			Mẫu CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế CBTT của HOSE		Văn phòng Công ty
4	THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
4.1	Tài khoản của Công ty tại NH bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty					Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán
4.2	- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh - Bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh - Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy CNĐKDN hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động - Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán - Khi nhận được Giấy CNĐKDN hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung - Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty - Kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế - Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản DN					Văn phòng Công ty Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư Văn phòng Công ty Pháp chế Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế Toán Pháp chế



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

4.3	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty					Văn phòng Công ty
4.4	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài					Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
5	CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU					
5.1	- Nghị quyết/Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho CĐHH - Thông báo của Công ty về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo mẫu quy định của TTLKCK - Các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan (nếu có)	Văn bản Dữ liệu điện tử	TTLKCK HOSE	Mẫu 07/THQ kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán	Ít nhất 10 ngày làm việc, trước ngày đăng ký cuối cùng (dự kiến)	Văn phòng Công ty
5.2	Công ty CBTT và gửi thông báo HOSE, nếu hủy nội dung thông báo: - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện - Ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho CĐHH - Các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của HOSE	Văn bản Dữ liệu điện tử	HOSE		Chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

5.3	Công ty gửi cho HOSE: - Bản tóm tắt sổ CD của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu - Bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách CD tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền <i>(Tại thời điểm này, Công ty sẽ làm công văn xin danh sách từ hệ thống của TTLKCK)</i>	Văn bản Dữ liệu điện tử	HOSE	Mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế niêm yết HOSE	Trong 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Văn phòng Công ty
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 10 NGÀY						
Stt	Nội dung chi tiết	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
1	Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường	Website Công ty				Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
2	Nếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, Công ty công bố trên Website Công ty, gửi cho tất cả các CD phiếu lấy ý kiến, dự thảo NQ ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo NQ					Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
3	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán DN, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BC kiểm toán					Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán
4	Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia tách, sáp nhập đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký BC kiểm toán					Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán
5	Công ty mua lại cổ phiếu của CBCNV theo chương trình ESOP hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.					Văn phòng Công ty

III. Công bố thông tin theo yêu cầu



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Ghi chú	Phòng Ban
BÁO CÁO/CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ <i>(Kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE)</i>					
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE	Nêu rõ sự kiện được UBCKNN, HOSE yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)	Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó				Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư

IV. Công bố thông tin của các đối tượng khác

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ							
1	Việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, kể cả cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...	Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 3 ngày làm việc	Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- Thời hạn thực hiện giao dịch không quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch - Chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ HOSE - Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký	Người nội bộ Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
						- Trong 3 ngày làm việc sau khi nhận được các BC liên quan đến các giao dịch này, Công ty công bố Website Công ty	
2	Người nội bộ và Người có liên quan làm BC về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã BC kết thúc đợt giao dịch trước đó - Sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ hoặc Người có liên quan, thì vẫn phải thực hiện việc BC và CBTT theo quy định 1,2 phần này - Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định 1,2 phần này - Trong 3 ngày làm việc sau khi nhận được các BC liên quan đến các giao dịch này, Công ty công bố trên Website Công ty	Người nội bộ Văn phòng Công ty
3	Người nội bộ và Người có liên quan thực hiện CBTT khi ngày giao dịch trùng với ngày kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện giao dịch	Trong 3 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (kể cả trường hợp giao dịch không hết khối	Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty			Người nội bộ Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
		lượng đăng ký)					
4	Công ty chứng khoán là Người có liên quan của Người nội bộ của Công ty niêm yết phải thực hiện BC khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu của Công ty	Trong 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi (ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán)	Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty			Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
Nếu Người nội bộ hoặc Người có liên quan đồng thời là CĐ lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan							
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI							
1	Trước khi thực hiện chào mua công khai	Trong 7 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến từ UBCKNN	Website Công ty Hệ thống CBTT của UBCKNN Website HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 29 TT 162/2015/TT-BTC		Văn phòng Công ty
2	BC kết quả giao dịch chào mua công khai	Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 30 TT 162/2015/TT-BTC		Văn phòng Công ty

PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
3	- Công ty là Công ty mục tiêu thực hiện CBTT về việc chào mua công khai - Tài liệu gửi UBCKNN phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN	Trong 3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSECông ty		- Trong 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT Công ty mục tiêu phải gửi UBCKNN và thông tin cho CĐ hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Công ty mục tiêu - Ý kiến của HĐQT Công ty mục tiêu phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số TV HĐQT và nêu rõ đánh giá của HĐQT với việc chào mua cổ phiếu. Nếu có ý kiến TV HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này	Văn phòng Công ty
4	Khi chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết, Công ty phải thực hiện CBTT về giao dịch chào mua công khai	Trong 7 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN, Công ty công bố công khai việc chào mua	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE 1 báo điện tử hoặc báo viết 3 số liên tiếp	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 29 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC	Nếu Công ty mục tiêu là tổ chức niêm yết, Công ty đồng thời công bố trên phương tiện CBTT của HOSE	Văn phòng Công ty
5	Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT việc điều chỉnh tăng giá chào mua công khai	Trong ít nhất 7 ngày trước khi kết thúc đợt chào mua	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty		Công ty đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các CĐ của Công ty mục tiêu kể cả các CĐ hoặc nhà đầu tư đã chấp nhận bán cho bên chào mua	Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
6	- Công ty thực hiện CBTT khi rút lại đề nghị chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - BC UBCKNN và HOSE - CBTT HOSE	Trong 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE báo điện tử hoặc báo viết 3 số liên tiếp	UBCKNN HOSE Công ty		Sau khi được UBCKNN chấp thuận	Văn phòng Công ty
7	- Công ty chào mua công khai CK đang niêm yết CBTT việc tiếp tục chào mua công khai - Gửi thông báo UBCKNN - Gửi thông tin công bố HOSE	Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty		Ngoại trừ trường hợp việc chào mua đã được thực hiện đối với toàn bộ số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành, sau khi thực hiện chào mua công khai, Công ty chào mua nắm giữ 80% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một Công ty đại chúng phải mua tiếp số cổ phiếu còn lại trong thời gian 30 ngày theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán với các điều kiện về giá và phương thức thanh toán tương tự với đợt chào mua công khai	Văn phòng Công ty
8	- Công ty chào mua công khai CK đang niêm yết CBTT về kết quả chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - Báo cáo UBCKNN và HOSE kết quả chào mua công khai - CBTT kết quả chào mua công khai trên Website HOSE/	Trong 5 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 30 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC		Văn phòng Công ty
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU 5% TRỞ LÊN							



PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là CĐ lớn CBTT và BC về giao dịch cổ phiếu	7 ngày kể từ ngày trở thành hoặc không còn là CĐ lớn	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 06 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- Không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu - Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch CK: + Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch thực hiện qua SGDCK + Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu CK tại TTLKCK nếu giao dịch không thực hiện qua SGDCK - Công ty công bố trên Website Công ty trong 3 ngày làm việc sau khi nhận được BC liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định	Cổ đông lớn Văn phòng Công ty
2	CĐ lớn, nhóm Người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...)	Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày có sự thay đổi	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE Công ty	Phụ lục số 07 Thông tư 155/2015/TT-BTC	- Không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu - Thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch CK: + Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch thực hiện qua HOSE	Cổ đông lớn Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
						+ Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu CK tại TTLKCK nếu giao dịch không thực hiện qua HOSE - Công ty công bố trên Website Công ty trong 3 ngày làm việc sau khi nhận được BC liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định	
D. BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ							
1	Trước khi thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ	Chậm nhất 7 ngày trước ngày dự kiến giao dịch	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE	Phụ lục 23, 24, 26, 27 TT 162/2015/TT-BTC		Văn phòng Công ty
2	Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch	Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE	Phụ lục 25 Thông tư 162/2015/TT-BTC	- Nếu không thực hiện hết khối lượng đăng ký phải giải trình nguyên nhân - Nếu bất khả kháng phải thay đổi ý định hoặc phương án giao dịch phải BC và công bố lý do	Văn phòng Công ty
3	Nếu Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Thông báo chủ nợ và CBTT trong 15 ngày, từ ngày hoàn tất nghĩa vụ	Website Công ty Phương tiện CBTT của UBCKNN, HOSE	UBCKNN HOSE			Văn phòng Công ty



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: VP/QC-01
Hiệu lực: 30/07/2018

Stt	Nội dung chi tiết	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Phòng Ban phụ trách
		thanh toán mua lại cổ phiếu					
4	Công ty công bố thông tin cho HOSE khi nhận được công văn của UBCKNN về chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giao dịch cổ phiếu quỹ.	trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được	HOSE				Văn phòng Công ty